

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong các tổ chức, quan, đơn vị;

Căn cứ Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 15/11/2024 của UBND thành phố Uông Bí “Kế hoạch việc thực hiện kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai năm 2024;

Hôm nay, vào hồi 7h15' ngày 07/01/2025, tại Trường Tiểu học Quang Trung, thành phố Uông Bí.

1. Thành phần:

- Đại diện Lãnh đạo trường : Bà Nguyễn Thị Huyền – Hiệu trưởng;
- Đại diện Ban chấp hành Công đoàn trường: Bà Nguyễn Thị Hải – Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn;
- Thư ký: Bà Nguyễn Hải Yến – Giáo viên, Thư ký hội đồng nhà trường.

2. Nội dung: Tiến hành niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2024 của cán bộ lãnh đạo trường Tiểu học Quang Trung thành phố Uông Bí thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật như sau:

2.1. Danh sách những người công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2024 gồm:

Stt	Họ và tên	Chức vụ, nhiệm vụ được giao	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Huyền	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Quang Trung
2	Nguyễn Thị Hải	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Quang Trung
3	Hồ Thị Khánh Linh	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Quang Trung

2.2. Thời gian niêm yết: 15 ngày liên tục, từ ngày 07/01/2024 đến hết ngày 22/01/2024.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng niêm yết công khai của trường Tiểu học Quang Trung thành phố Uông Bí.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân của những người theo danh sách nêu trên, đề nghị gửi kiến nghị về trường Tiểu học Quang Trung, thành phố Uông Bí (qua đồng chí Nguyễn Hải Yến – thư ký (địa chỉ Email: Nguyenhaiyen.C1thqt@quangninh.edu.vn, ĐT: 0339040987) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định

Giao Bà Nguyễn Hải Yến thực hiện việc bảo đảm an toàn các bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức của trường Tiểu học Quang Trung, thành phố Uông Bí từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 7h30' cùng ngày. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 bản, trong đó: 01 bản lưu hồ sơ tại trường Tiểu học Quang Trung, 01 bản nộp về Phòng Nội vụ thành phố./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Nguyễn Hải Yến

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN



Nguyễn Thị Hải

CHỦ TRÌ



**Nguyễn Thị Huyền
(HIỆU TRƯỞNG)**

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HUYỀN**. Ngày tháng năm sinh: 27/07/1980
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Quang Trung
- Nơi thường trú: Số nhà 45A, Tổ 31, Khu 5, Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022180002126
ngày cấp 17/5/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐINH VĂN TRỤ** Ngày tháng năm sinh: 13/06/1977
 - Nghề nghiệp: Công nhân
 - Nơi làm việc: Phân xưởng K9- Công ty CP than Vàng Danh Vinacomin
 - Nơi thường trú: Số nhà 45A, Tổ 31, Khu 5, Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022077007228; ngày cấp 17/5/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

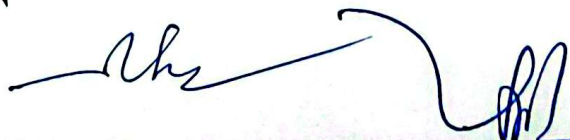
3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **ĐINH THU TRÀ** Ngày tháng năm sinh: 12/10/2010
- Nơi thường trú: Số nhà 45A, Tổ 31, Khu 5, Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022310004141
ngày cấp 23/9/2024; nơi cấp: Bộ công an

3.2. Con thứ hai (trở lên): không

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:/...../.....
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾



1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất

1.1. Đất ở

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 45A, Tổ 31, Khu 5, Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

- Diện tích: 258m²

- Giá trị: 2.000.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số CH 00283, cấp ngày 20/7/2022 do UBND thành phố cấp, mang tên: Đinh Văn Trụ và Nguyễn Thị Huyền

- Thông tin khác (nếu có): Bố mẹ chồng cho tặng đất

1.1.2. Thừa thừa 2 (trở lên): Không có

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thừa nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thừa nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng

2.1. Nhà ở: **Không có**

2.1.1. Nhà thừa nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà:

- Diện tích sử dụng:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có): Không

2.1.2. Nhà thừa 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác:

2.2.1. Công trình thừa nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:

- Loại công trình: Cấp công trình:




- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất

3.1. Cây lâu năm

- Loại cây: Số lượng: Giá trị:
- Loại cây: Số lượng: Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị:
- Loại rừng: Diện tích: Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị:
- Tên gọi: Số lượng: Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: 100.000.000đ

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

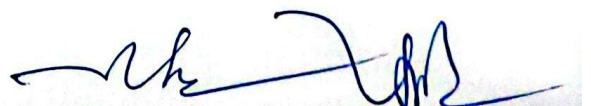
- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp

- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:



7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)

- Tên tài sản: Ô tô; Biển số: 14A- 41217; Số đăng ký: 072.424 Giá trị: 700.000.000đ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 343 271 177đ trong đó:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 198 191 219đ

- Tổng thu nhập của chồng: 145 079 958 đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0

- Tổng các khoản thu nhập chung: 0

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm			



Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác)			
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai		343 271 177đ	Giảm so với năm trước: 37.187.560đ do chưa tính thu nhập tăng thêm và tiền thưởng của cả hai vợ chồng và chưa tính tiền lương tháng 12/2024 của chồng.

Uông Bí, ngày ~~31~~ tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nguyễn Văn Thanh
 (Phó trưởng phòng GDĐT)

Uông Bí ngày 27 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Huyền

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Tính đến ngày 27 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hải** Ngày tháng năm sinh: 13/07/1974
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Quang Trung
- Nơi thường trú: SN 267- tổ 24A- Khu 7- phường Quang Trung - TP Uông Bí
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022174003282
ngày cấp 28/06/2021 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC về trật tự XH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Phạm Thế Diêm** Ngày tháng năm sinh: 07/05/1952
- Nghề nghiệp: Hưu trí
- Nơi làm việc: Nghỉ hưu, ở tại gia đình
- Nơi thường trú: SN 267- tổ 24A- Khu 7- phường Quang Trung - TP Uông Bí
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 030052002577
ngày cấp 28/06/2021 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC về trật tự XH.

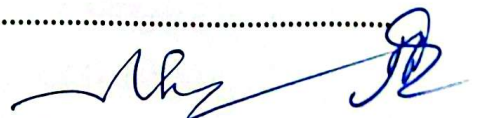
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Phạm Thị Thu Vân** Ngày tháng năm sinh: 15/11/2011
- Nơi thường trú: SN 267- tổ 24A- Khu 7- phường Quang Trung - TP Uông Bí
- Số định danh cá nhân: 022311001330
ngày cấp 19/8/2021, nơi cấp Công an phường Quang Trung - thành phố Uông Bí.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Không có

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:/...../.....
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp



II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: SN 267, tổ 24A, khu 7, phường Quang Trung, TP Uông Bí, QN

- Diện tích: 226 m²

- Giá trị: 1,5 tỷ VNĐ tại thời điểm mua cuối năm 2006

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số AE 275150 do UBND thành phố Uông Bí cấp ngày 26/01/2007, đứng tên chủ sở hữu cả 2 vợ chồng là Phạm Thế Điềm và Nguyễn Thị Hải.

- Thông tin khác (nếu có): Không

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ: Số 62 - ngõ 203 - đường Trường Chinh - quận Thanh Xuân- Hà Nội.

- Diện tích: 99,02 m²

- Giá trị: ước khoảng 2,5 tỷ VNĐ.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất ở số 10111053037 do phòng Địa chính nhà đất và đô thị quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội cấp ngày 22/12/2004, đứng tên chủ sở hữu là chủ thím bên ngoại: ông Nguyễn Đình Sáu và bà Nguyễn Thị Lan Phương.

- Thông tin khác (nếu có): Không

1.2. Các loại đất khác:

1.2.1. Thừa thứ nhất: **Không có**

- Loại đất:

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): **Không có**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: SN 267- Tổ 24- Khu 7- phường Quang Trung-TP Uông Bí- QN

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng: 144 m² x 4 tầng = 576 m²

- Giá trị: ước khoảng 4,5 tỷ VNĐ, xây dựng năm 2012.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: số AE 275150 do UBND thành phố Uông Bí cấp ngày 26/01/2007, đứng tên chủ sở hữu cả 2 vợ chồng là Phạm Thế Diêm và Nguyễn Thị Hải.
- Thông tin khác (nếu có): Hiện đang cho Ngân hàng Bắc Á chi nhánh thuộc tỉnh Quảng Ninh thuê mặt bằng Tầng 1 để mở văn phòng giao dịch theo Hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐTN ngày 20/9/2017 với thời hạn 10 năm.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ: SN 62 - ngõ 203 - đường Trường Chinh - quận Thanh Xuân - Hà Nội
- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích xây dựng: 70 m² x 4 tầng = 280 m²
- Giá trị: ước khoảng 5,5 tỷ VNĐ, xây dựng năm 2002.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu số 10111053037 do phòng Địa chính nhà đất và đô thị quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội cấp ngày 22/12/2004, đứng tên chủ sở hữu là: ông Nguyễn Đình Sáu và bà Nguyễn Thị Lan Phương.
- Thông tin khác: chú thím bên ngoại trao tặng nhà sử dụng để ở, chưa sang tên.

2.2. Công trình xây dựng khác: **Không có**

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên):

3. Tài sản khác gắn liền với đất: **Không có**

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị:
- Loại cây: Số lượng: Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị:
- Loại rừng: Diện tích: Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị:



- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. **Không có**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: **Không có**

Tiền gửi tiết kiệm:

Mở sổ tiết kiệm tại Ngân hàng....., tên chủ tài khoản.....

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: **Không có**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: **Không có**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp: **Không có**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: **Không có**

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: ô tô con Số đăng ký: 30E- 62160, cấp giấy tháng 8/2016

Giá trị: 600 triệu VNĐ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): **Không có**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

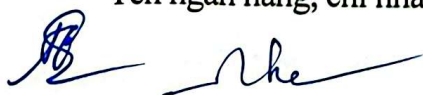
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: **Không có**

9. Tài khoản ở nước ngoài: **Không có**

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:



10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: (tính từ tháng 1 đến hết tháng 12/2024)

- Tổng thu nhập của người kê khai: 243.189.000,đ

(gồm Tiền lương, tiền phụ cấp, chăm nuôi bán trú ... năm 2024)

- Tổng thu nhập của chồng (lương hưu): 58.200.000,đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có

- Tổng các khoản thu nhập chung (cho thuê nhà): 258.000.000,đ

(Tổng số thu nhập của cả gia đình trong năm 2024: 559.389.000,đồng)

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng	Không		
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	Không		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên	Không	- Giảm 120 triệu	- Nộp phí hợp đồng BH nhân thọ cho các con và cháu ngoại. - Hỗ trợ sinh hoạt phí cho các con và cháu
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	Không		
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:	Không		
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác)			
8. Tài sản ở nước ngoài	Không		

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai		+ Tăng 102.404.000 ,đ	Tăng do được tăng Phụ cấp thâm niên nghề và tăng Bạc lương định kỳ; tăng nền lương từ 01/7/2024

Uông Bí, ngày 24. tháng 12 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nguyễn Văn Thanh

Phó trưởng phòng GDDT Uông Bí

Uông Bí, ngày 27 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hải

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **HỒ THỊ KHÁNH LINH** Ngày tháng năm sinh: 14/06/1974
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng-Phó bí thư Chi bộ
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Quang Trung
- Nơi thường trú: Tổ 42a, khu 12 – Phường Quang Trung – Thành phố Uông Bí – Tỉnh Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022174000406 - ngày cấp 29/4/2021 - nơi cấp: Quảng Ninh

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN CÔNG LÝ** Ngày tháng năm sinh: 14/8/1965
- Nghề nghiệp: Nghỉ hưu
- Nơi làm việc:
- Nơi thường trú: Tổ 42a, khu 12 – Phường Quang Trung – Thành phố Uông Bí – Tỉnh Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022065002194 ngày cấp 21/9/2021 nơi cấp: Quảng Ninh.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: Không có

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:/...../.....
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Không có

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:/...../.....
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp



II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ 42a, khu 12 – Phường Quang Trung – Thành phố Uông Bí – Tỉnh Quảng Ninh.

- Diện tích: 223,7m² (trong đó 200m² đất xây dựng và 23,7m² đất vườn tạp.)

- Giá trị: Không có giá trị

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số AD 757557- UBND thị xã Uông Bí cấp ngày 25/10/2005 mang tên Nguyễn Công Lý và Hồ Thị Khánh Linh.

- Thông tin khác (nếu có): Không xác định được giá trị do bố mẹ chồng cho tặng.

1.1.2. Thừa thứ 2:

- Địa chỉ: Khu 12 – Phường Trung Vương – Thành phố Uông Bí – Tỉnh Quảng Ninh.

- Diện tích: 291 m² (trong đó 100m² đất xây dựng và 191m² đất vườn tạp.)

- Giá trị: 150 000 000 đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số AO 040511- UBND thị xã Uông Bí cấp ngày 19/01/2009 mang tên Nguyễn Công Lý và Hồ Thị Khánh Linh nhận chuyển nhượng từ ông bà Vũ Xuân Hiếu, Vũ Thị Thu Cúc từ nguồn tiền tiết kiệm của hai vợ chồng.

- Thông tin khác: Không có

1.1.3. Thừa thứ ba:

- Địa chỉ: Tổ 42a, khu 12 – Phường Quang Trung – Thành phố Uông Bí – Tỉnh Quảng Ninh.

- Diện tích: 133,2 m² (trong đó 56m² đất xây dựng và 76,2m² đất vườn tạp và đất hành lang đường điện.)

- Giá trị: 50 000 000 đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số BO 885789- UBND thành phố Uông Bí cấp ngày 14/10/2013 mang tên Nguyễn Công Lý và Hồ Thị Khánh Linh.

- Thông tin khác (nếu có): Thừa đất này được chuyển nhượng từ chị gái chồng từ nguồn tiền tiết kiệm của hai vợ chồng.

1.2. Các loại đất khác: Không có

1.2.1. Thừa thứ nhất: Không có

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ 42a, khu 12 – Phường Quang Trung – Thành phố Uông Bí – Tỉnh Quảng Ninh.

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng: 190 m²

- Giá trị: 650 000 000 đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không có

- Thông tin khác (nếu có): Không có

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không có

- Tên công trình: Địa chỉ:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có

3.1. Cây lâu năm: Không có

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất: Không có

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên:

- Tiết tiết kiệm: 108 824 100 đồng gửi tại ngân hàng MBV số tài khoản 62062000022400066 mở ngày 28/3/2023;

- Tiền cho người nhà vay: 150 000 000 đồng.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu: Không có

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không có

- Tên trái phiếu: Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp: Không có

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: Không có

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...): Không có

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:



10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai là: 320 649 029 đồng trong đó:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 236 502 029 đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 84 147 000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên		108 824 100 đồng	Tiết kiệm từ nguồn lương và lãi xuất tiền gửi ngân hàng.
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng			

Nguyễn Huệ

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác)			
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai		320 649 029 đồng	Tăng hơn năm trước do tăng lương.

Uông Bí, ngày ~~21~~ tháng 12 năm 2024.
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nguyễn Văn Thanh
 (Phó trưởng Phòng GD&ĐT
 thành phố Uông Bí)

Uông Bí ngày 27 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Hồ Thị Khánh Linh